

Số: *831* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV MetLife (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017 từ trang 3 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Tuấn Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3001-2014-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		583.066.265.198	350.595.704.690
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	62.560.322.553	70.950.192.101
1. Tiền	111		42.560.322.553	70.950.192.101
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		456.006.143.000	247.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	456.006.143.000	247.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.071.770.186	30.593.343.610
1. Phải thu của khách hàng	131	7	14.359.628.639	-
2. Trả trước cho người bán	132		1.412.685.520	824.166.317
3. Các khoản phải thu khác	135		45.299.456.027	29.769.177.293
IV. Hàng tồn kho	140		1.002.531.065	1.012.727.270
1. Hàng tồn kho	141		1.002.531.065	1.012.727.270
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.425.498.394	1.039.441.709
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.071.501.394	767.364.709
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		353.997.000	272.077.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		530.837.773.795	641.320.259.847
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.865.160.748	12.665.160.748
1. Phải thu dài hạn khác	218	8	12.865.160.748	12.665.160.748
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		12.000.000.000	12.000.000.000
1.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		865.160.748	665.160.748
II. Tài sản cố định	220		59.406.712.422	65.933.856.367
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.765.842.295	2.885.843.148
- Nguyên giá	222		5.386.896.390	3.572.570.255
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.621.054.095)	(686.727.107)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	53.874.462.188	63.048.013.219
- Nguyên giá	228		93.241.820.116	83.739.762.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.367.357.928)	(20.691.748.961)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.766.407.939	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		440.200.938.694	537.081.967.246
1. Đầu tư dài hạn khác	258	6	440.200.938.694	537.081.967.246
IV. Tài sản dài hạn khác	260		18.364.961.931	25.639.275.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.894.876.918	17.169.190.473
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	8.470.085.013	8.470.085.013
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.113.904.038.993	991.915.964.537

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		450.610.624.701	138.842.279.402
I. Nợ ngắn hạn	310		126.993.411.461	75.990.006.722
1. Phải trả cho người bán	312	14	12.599.149.547	3.815.803.612
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		7.402.913.225	3.815.803.612
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		5.196.236.322	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	1.547.419.108	1.229.440.734
3. Chi phí phải trả	316	16	94.508.313.783	69.001.047.111
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		7.097.000	139.050.643
5. Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319.1	17	18.331.432.023	1.804.664.622
II. Nợ dài hạn	330		323.617.213.240	62.852.272.680
1. Dự phòng nghiệp vụ	334	18	323.617.213.240	62.852.272.680
1.1. Dự phòng toán học	344.1		270.726.072.188	61.927.757.350
1.2. Dự phòng phí chưa được hưởng	344.2		2.134.207.956	924.515.330
1.3. Dự phòng bồi thường	344.3		600.828.240	-
1.4. Dự phòng khác	344.8		50.156.104.856	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		663.293.414.292	853.073.685.135
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	663.293.414.292	853.073.685.135
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	421		(336.706.585.708)	(146.926.314.865)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300+400)	430		1.113.904.038.993	991.915.964.537

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VIỆT NAM

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	1.284.394,09	2.891.509,39


Nguyễn Thị Hoa
Người lập


Trần Thị Minh Tiến
Giám đốc Tài chính kiêm
Kế toán trưởng


Gaurav Sharma
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHẦN I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	258.145.022.301	67.771.252.900
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	57.444.085.700	52.380.238.642
3. Thu nhập khác	13	24.736.252	30.145.233
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	286.688.073.427	71.236.646.837
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	2.755.579.546	-
6. Chi phí bán hàng	23	93.526.520.035	63.754.444.082
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	122.330.429.283	98.230.407.035
8. Chi phí khác	25	93.512.805	6.113.635
9. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=10+12+13-20-22-23-24-25)	50	(189.780.270.843)	(113.045.974.814)
10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	847.008.501
11. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-52)	60	(189.780.270.843)	(113.892.983.315)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1)	01	20	258.175.070.475	67.771.252.900
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		258.175.070.475	67.771.252.900
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		31.398.283	-
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		258.143.672.192	67.771.252.900
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1)	04		1.350.109	-
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		1.350.109	-
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		258.145.022.301	67.771.252.900
6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	11	21	3.255.648.069	200.000.000
7. Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	13		260.764.940.560	62.259.874.505
8. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15=11+13)	15		264.020.588.629	62.459.874.505
9. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16=16.1+16.2)	16		22.667.484.798	8.776.772.332
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	16.1		21.869.950.816	8.716.339.332
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	16.2		797.533.982	60.433.000
10. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=15+16)	17		286.688.073.427	71.236.646.837
11. (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=10-17)	18		(28.543.051.126)	(3.465.393.937)
12. Doanh thu hoạt động tài chính	22	22	57.444.085.700	52.380.238.642
13. Chi phí hoạt động tài chính	23	23	2.755.579.546	-
14. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (24=22-23)	24		54.688.506.154	52.380.238.642
15. Chi phí bán hàng	25	24	93.526.520.035	63.754.444.082
16. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	122.330.429.283	98.230.407.035
17. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=18+24-25-26)	30		(189.711.494.290)	(113.070.006.412)
18. Thu nhập khác	31		24.736.252	30.145.233
19. Chi phí khác	32		93.512.805	6.113.635
20. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(68.776.553)	24.031.598
21. (Lỗ) trước thuế (50=30+40)	50		(189.780.270.843)	(113.045.974.814)
22. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	847.008.501
23. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-52)	60		(189.780.270.843)	(113.892.983.315)


Nguyễn Thị Hoa
Người lập


Trần Thị Minh Tiến
Giám đốc Tài chính kiêm
Kế toán trưởng


Gaurav Sharma
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ phí bảo hiểm gốc và hoa hồng	01	249.912.768.165	69.753.688.869
2. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(539.000.000)	(100.000.000)
3. Tiền chi hoa hồng và chi khác hoạt động kinh doanh	06	(27.970.418.558)	(13.888.844.261)
4. Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	07	(96.953.191.965)	(150.189.566.593)
5. Tiền chi trả cho người lao động	08	(43.490.518.573)	(29.330.282.132)
6. Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(20.188.863.658)	(29.990.401.352)
7. Tiền ứng trước cho người lao động và nhà cung cấp	11	(1.315.085.520)	(353.835.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.455.689.891	(154.099.240.916)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi đầu tư	22	42.406.818.568	-
2. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(4.399.516.962)	(645.738.388)
3. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	25	603.105.795.846	1.458.606.363.511
4. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	26	(707.193.458.909)	(1.805.736.403.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(66.080.361.457)	(347.775.778.036)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu lãi tiền gửi	33	64.265.765	1.359.518.836
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	64.265.765	1.359.518.836
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(6.560.405.801)	(500.515.500.116)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	70.950.192.101	568.912.211.050
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.829.463.747)	2.553.481.167
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	62.560.322.553	70.950.192.101


Nguyễn Thị Hoa
Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2017


Trần Thị Minh Tiến
Giám đốc Tài chính kiêm
Kế toán trưởng


Gaurav Sharma
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này